

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

25/3/2026

THÔNG TƯ

Quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) bao gồm mục tiêu, nguyên tắc bảo đảm chất lượng; tiêu chuẩn, tiêu chí và mức độ đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng, việc tự đánh giá và sử dụng kết quả bảo đảm chất lượng trong quản lý và cải tiến chất lượng giáo dục; quy định việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm điều kiện, cấp độ đạt chuẩn quốc gia và quy trình thẩm định, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2. Thông tư này áp dụng đối với trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; các cơ sở giáo dục công lập và tư thục; tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Chất lượng giáo dục* là mức độ cơ sở giáo dục bảo đảm và cải tiến liên tục các điều kiện, quá trình và kết quả giáo dục nhằm giúp người học đạt chuẩn đầu

ra về năng lực và phẩm chất, trong điều kiện công bằng, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. *Bảo đảm chất lượng giáo dục* là hệ thống các chính sách, quy trình, cơ chế và công cụ quản lý được cơ sở giáo dục thiết lập và vận hành nhằm bảo đảm các hoạt động giáo dục đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng, đồng thời được theo dõi, đánh giá và cải tiến liên tục để nâng cao chất lượng giáo dục.

3. *Tự đánh giá* là quá trình cơ sở giáo dục căn cứ các tiêu chuẩn đánh giá để xem xét, đánh giá việc xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong và mức độ đáp ứng các yêu cầu về chất lượng giáo dục; xác định điểm mạnh, hạn chế và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng.

4. *Tiêu chuẩn đánh giá* là tập hợp các yêu cầu đối với cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục; mỗi tiêu chuẩn tương ứng với một lĩnh vực hoạt động của cơ sở giáo dục và được cấu thành từ các tiêu chí đánh giá.

5. *Tiêu chí đánh giá* là nội dung cụ thể đối với cơ sở giáo dục trong từng tiêu chuẩn đánh giá.

6. *Mức* là các cấp độ yêu cầu đáp ứng của tiêu chí bảo đảm chất lượng giáo dục, được xây dựng theo yêu cầu tăng dần nhằm phản ánh mức độ đạt được và sự phát triển chất lượng của cơ sở giáo dục.

7. *Minh chứng* trong bảo đảm chất lượng giáo dục là tài liệu, số liệu, hồ sơ, sản phẩm hoặc kết quả hoạt động được thu thập, lưu trữ và sử dụng để chứng minh, kiểm chứng mức độ đáp ứng của cơ sở giáo dục đối với các tiêu chí đánh giá trong hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục.

8. *Nhà trường* là cơ sở giáo dục mầm non hoặc cơ sở giáo dục phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; trong Thông tư này có thể thay cho *cơ sở giáo dục*.

9. *Trung tâm* là cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; trong Thông tư này có thể thay cho *cơ sở giáo dục*.

Điều 3. Mục tiêu của bảo đảm chất lượng và công nhận chuẩn quốc gia

1. Bảo đảm chất lượng giáo dục nhằm giúp cơ sở giáo dục xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong một cách thường xuyên, liên tục, duy trì và từng bước nâng cao chất lượng thông qua hoạt động tự đánh giá và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng.

2. Ghi nhận mức độ đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng và mức độ đạt chuẩn quốc gia, tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường trách nhiệm giải trình và tính minh bạch của cơ sở giáo dục thông qua việc công khai thông tin về chất lượng giáo dục theo quy định.

3. Làm căn cứ cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc hoạch định chính

sách, phân bổ nguồn lực, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và triển khai các chính sách phát triển giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và bảo đảm sự thống nhất về điều kiện và hoạt động giáo dục trong toàn hệ thống.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

1. Bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được thực hiện theo chu trình cải tiến liên tục (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và cải tiến - PDCA), bảo đảm tính hệ thống và sự gắn kết giữa các hoạt động quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Bảo đảm khách quan, trung thực, công khai, minh bạch; phản ánh đúng thực trạng và mức độ chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục.

3. Bảo đảm chất lượng giáo dục được thực hiện đối với toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục theo cách tiếp cận hệ thống, thường xuyên, liên tục và gắn với cải tiến chất lượng. Việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được thực hiện trên cơ sở kết quả bảo đảm chất lượng giáo dục và mức độ đáp ứng các điều kiện theo quy định.

4. Bảo đảm sự tham gia của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân sự hỗ trợ, người học, cha mẹ người học và các bên liên quan trong quá trình bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định.

5. Kết quả tự đánh giá là căn cứ quan trọng để cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Đối với cơ sở giáo dục đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia, kết quả tự đánh giá là một trong những căn cứ cho hoạt động thẩm định; việc thẩm định được thực hiện trên cơ sở tổng hợp, đối chiếu kết quả tự đánh giá với hồ sơ, minh chứng và dữ liệu quản lý có liên quan. Kết quả thẩm định là căn cứ để cơ sở giáo dục tiếp tục điều chỉnh, cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục.

6. Việc bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục, đặc điểm vùng miền và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Cấu trúc bộ tiêu chuẩn về bảo đảm chất lượng giáo dục và xác định mức độ đáp ứng yêu cầu

1. Cấu trúc bộ tiêu chuẩn

a) Bộ tiêu chuẩn về bảo đảm chất lượng giáo dục gồm 06 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí; mỗi tiêu chí có 04 mức độ đáp ứng, trong đó Mức 1 là mức yêu cầu tối thiểu, các mức tiếp theo phản ánh mức độ phát triển và nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục.

b) Nội dung và mức độ đáp ứng của các tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

được quy định tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Thông tư này để làm căn cứ tham chiếu trong tự đánh giá và thẩm định.

2. Cách xác định mức độ đáp ứng yêu cầu của các mức trong tiêu chí

a) Tiêu chí được đánh giá theo 04 mức: Mức 1, Mức 2, Mức 3 và Mức 4;

b) Mức đạt của tiêu chí được xác định theo nguyên tắc kế thừa: tiêu chí được xác định là chưa đạt khi chưa đáp ứng yêu cầu của Mức 1; đạt Mức 1 khi đáp ứng yêu cầu của Mức 1; đạt Mức 2 khi đáp ứng yêu cầu của Mức 2 và mức thấp hơn; đạt Mức 3 khi đáp ứng yêu cầu của Mức 3 và các mức thấp hơn; đạt Mức 4 khi đáp ứng yêu cầu của Mức 4 và các mức thấp hơn.

c) Mức đạt của tiêu chí được xác định theo mức cao nhất mà cơ sở giáo dục đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của mức đó và các mức thấp hơn. Việc xác định mức đạt của tiêu chí phải dựa trên minh chứng cụ thể, xác thực và được kiểm chứng trong quá trình đánh giá.

3. Xác định mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ sở giáo dục:

Phương án 1:

a) Mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ sở giáo dục được xác định trên cơ sở tổng hợp mức đạt của các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn theo quy định của Thông tư này;

b) Cơ sở giáo dục không đạt khi có tiêu chí không đạt Mức 1; đạt Mức 1 khi tất cả các tiêu chí đạt từ Mức 1 trở lên; đạt Mức 2 khi tất cả các tiêu chí đạt từ Mức 1 trở lên và tối thiểu 75% số tiêu chí đạt từ Mức 2 trở lên; đạt Mức 3 khi tất cả các tiêu chí đạt từ Mức 2 trở lên và tối thiểu 85% số tiêu chí đạt từ Mức 3 trở lên; đạt Mức 4 khi tất cả các tiêu chí đạt từ Mức 3 và tối thiểu 95% số tiêu chí đạt từ Mức 4 trở lên.

c) Tỷ lệ phần trăm số tiêu chí được tính trên tổng số tiêu chí của bộ tiêu chuẩn; số lượng tiêu chí tương ứng được làm tròn lên đến số nguyên gần nhất.

d) Việc xác định mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ sở giáo dục phải phản ánh mức độ chất lượng tổng thể trên cơ sở kết quả của các tiêu chí, không phụ thuộc vào một tiêu chí đơn lẻ.

Phương án 2:

a) Mức đánh giá của cơ sở giáo dục được xác định trên cơ sở tổng hợp mức đạt của các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá theo quy định của Thông tư này;

b) Cơ sở giáo dục không đạt khi còn có tiêu chí không đạt Mức 1; đạt Mức 1 khi tất cả các tiêu chí đạt từ Mức 1 trở lên và còn có tiêu chí chưa đạt Mức 2; đạt Mức 2 khi tất cả các tiêu chí đạt từ Mức 2 trở lên và còn có tiêu chí chưa đạt Mức 3; đạt Mức 3 khi tất cả các tiêu chí đạt từ Mức 3 trở lên và còn có tiêu chí chưa đạt Mức 4; đạt Mức 4 khi tất cả các tiêu chí đạt Mức 4.

Điều 6. Sử dụng kết quả tự đánh giá trong quản lý và cải tiến chất lượng

1. Đối với cơ sở giáo dục

a) Phân tích kết quả tự đánh giá nhằm xác định điểm mạnh, điểm hạn chế và nguyên nhân; trên cơ sở đó xây dựng, tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo mục tiêu phát triển của cơ sở giáo dục;

b) Sử dụng kết quả tự đánh giá làm căn cứ để quyết định hoặc đề xuất theo thẩm quyền việc điều chỉnh tổ chức và hoạt động giáo dục, phát triển đội ngũ, đầu tư và sử dụng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục;

c) Thực hiện công khai và báo cáo kết quả tự đánh giá theo quy định; thực hiện trách nhiệm giải trình với người học, cha mẹ học sinh, cộng đồng và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đối với mức độ đáp ứng mục tiêu, sứ mệnh và yêu cầu chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục.

2. Đối với các cấp quản lý

a) Ủy ban nhân dân các cấp theo phân cấp quản lý, căn cứ kết quả tự đánh giá hằng năm của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý để xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục, đầu tư nguồn lực; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục tại các cơ sở giáo dục;

b) Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ kết quả tự đánh giá hằng năm của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý để tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực và thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục; sử dụng kết quả tự đánh giá trong 03 năm liên tiếp, liên kết của trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học làm căn cứ xem xét, thẩm định hồ sơ và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

Chương II HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 7. Nội dung bảo đảm chất lượng giáo dục

Cơ sở giáo dục thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục theo các lĩnh vực chủ yếu của bảo đảm chất lượng giáo dục sau đây:

1. Cơ cấu tổ chức và hoạt động quản trị cơ sở giáo dục.
2. Đội ngũ giáo viên và nhân sự hỗ trợ.
3. Thực hiện chương trình và hoạt động giáo dục.
4. Học viên/học sinh/trẻ em và kết quả giáo dục/phát triển.
5. Cơ sở vật chất và môi trường học tập/chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.
6. Quan hệ giữa nhà trường với gia đình và xã hội.

Điều 8. Hoạt động tự đánh giá của cơ sở giáo dục

1. Hằng năm, cơ sở giáo dục căn cứ tiêu chuẩn đánh giá về bảo đảm chất lượng giáo dục quy định tại Chương III của Thông tư này để thực hiện rà soát, cập nhật kết quả tự đánh giá và báo cáo theo mẫu quy định.

2. Việc tự đánh giá phải bảo đảm tính trung thực, khách quan, đầy đủ, có trách nhiệm giải trình, dựa trên minh chứng xác thực và được thực hiện theo quy trình sau:

- a) Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- b) Lập kế hoạch tự đánh giá;
- c) Thu thập, xử lý và phân tích minh chứng;
- d) Xác định mức đạt của từng tiêu chí;
- đ) Viết và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- e) Công bố báo cáo tự đánh giá;
- g) Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

3. Báo cáo tự đánh giá theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này phải được Hội đồng tự đánh giá thông qua, người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt và được công khai theo quy định.

4. Người đứng đầu cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của báo cáo tự đánh giá và minh chứng.

Điều 9. Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục

1. Người đứng đầu cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá. Hội đồng tự đánh giá có số lượng là số lẻ, từ 05 (năm) thành viên trở lên, phù hợp với quy mô cơ sở giáo dục.

2. Thành phần Hội đồng tự đánh giá gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên là đại diện lãnh đạo cơ sở giáo dục, tổ văn phòng, tổ chuyên môn, giáo viên của cơ sở giáo dục, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cơ sở giáo dục thuộc quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ:

- a) Tổ chức thực hiện hoạt động tự đánh giá theo quy định;
- b) Xem xét, thảo luận và xác định mức đạt của các tiêu chí;
- c) Thông qua báo cáo tự đánh giá;
- d) Đề xuất các biện pháp duy trì và cải tiến chất lượng giáo dục.

4. Hội đồng tự đánh giá có quyền:

- a) Yêu cầu các bộ phận cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ tự đánh giá;
- b) Đề nghị người đứng đầu cơ sở giáo dục bảo đảm các yêu cầu thực hiện tự đánh giá;
- c) Đề nghị thuê dịch vụ tư vấn khi cần thiết.

Điều 10. Thực hiện cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

1. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, người đứng đầu cơ sở giáo dục tổ chức xây dựng, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hằng năm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này

2. Việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được Hội đồng tự đánh giá theo dõi, đánh giá định kỳ và đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

3. Kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được sử dụng làm căn cứ cho hoạt động tự đánh giá năm tiếp theo và được công khai theo quy định nhằm bảo đảm trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

Chương III

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 11. Tiêu chuẩn 1: Cơ cấu tổ chức và hoạt động quản trị cơ sở giáo dục

1. Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển
2. Tiêu chí 1.2. Cơ cấu tổ chức nhà trường/trung tâm và phân công trách nhiệm
3. Tiêu chí 1.3. Quản trị theo kế hoạch và dữ liệu
4. Tiêu chí 1.4. Kết quả hoạt động
5. Tiêu chí 1.5. Trách nhiệm giải trình
6. Tiêu chí 1.6. Bảo đảm chất lượng và văn hóa chất lượng

Điều 12. Tiêu chuẩn 2: Đội ngũ giáo viên và nhân sự hỗ trợ

1. Tiêu chí 2.1. Cán bộ quản lý
2. Tiêu chí 2.2. Giáo viên
3. Tiêu chí 2.3. Nhân sự hỗ trợ

Điều 13. Tiêu chuẩn 3: Thực hiện chương trình và hoạt động giáo dục

1. Tiêu chí 3.1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục
2. Tiêu chí 3.2. Đổi mới phương pháp giáo dục
3. Tiêu chí 3.3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm và phát triển toàn diện
4. Tiêu chí 3.4. Hỗ trợ người học và giáo dục hòa nhập
5. Tiêu chí 3.5. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục

Điều 14. Tiêu chuẩn 4: Người học và kết quả giáo dục/phát triển

1. Tiêu chí 4.1. Tuyển sinh và quản lý học viên/học sinh/trẻ em
2. Tiêu chí 4.2. Kết quả học tập/phát triển và rèn luyện

3. Tiêu chí 4.3. Kết quả giáo dục phát triển toàn diện

4. Tiêu chí 4.4. An toàn và hạnh phúc học đường

Điều 15. Tiêu chuẩn 5: Cơ sở vật chất và môi trường học tập

1. Tiêu chí 5.1. Địa điểm, quy mô, diện tích bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Tiêu chí 5.2. Cơ sở vật chất bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

3. Tiêu chí 5.3. Môi trường giáo dục/nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và điều kiện bảo đảm an toàn về cơ sở vật chất

4. Tiêu chí 5.4. Hạ tầng công nghệ, trang thiết bị đáp ứng cho việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong nhà trường/trung tâm

Điều 16. Tiêu chuẩn 6: Quan hệ giữa nhà trường với gia đình và xã hội

1. Tiêu chí 6.1. Phối hợp với gia đình

2. Tiêu chí 6.2. Liên kết cộng đồng và tổ chức xã hội

3. Tiêu chí 6.3. Huy động và sử dụng nguồn lực xã hội hóa

Điều 17. Tiêu chuẩn đánh giá về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với trường phổ thông có nhiều cấp học

Tiêu chuẩn đánh giá về bảo đảm chất lượng đối với trường phổ thông có nhiều cấp học được áp dụng theo các quy định đối với cấp học cao nhất của trường; riêng quy định về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tại Tiêu chuẩn 5, cơ sở giáo dục phải bảo đảm theo quy định đối với từng cấp học trong trường có nhiều cấp học.

Chương IV

CÔNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Điều 18. Yêu cầu và mức độ công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

1. Yêu cầu để xem xét công nhận

Cơ sở giáo dục được xem xét công nhận đạt chuẩn quốc gia khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có thời gian tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu sau: trường mầm non có ít nhất 05 năm hoạt động giáo dục; trường tiểu học có ít nhất 01 khóa học sinh hoàn thành Chương trình tiểu học; trường trung học có ít nhất 01 khóa học sinh hoàn thành chương trình giáo dục của cấp học tương ứng; trường phổ thông có nhiều cấp học có ít nhất 01 khóa học sinh hoàn thành chương trình giáo dục của cấp học cao nhất; với những cơ sở giáo dục thành lập mới nhưng theo hình thức chia tách, phải có ít nhất một khóa học sinh hoàn thành chương trình của cấp học tương ứng hoặc có ít nhất 01 khóa học sinh hoàn thành chương trình giáo dục của cấp học cao nhất đối với trường phổ thông có nhiều cấp học.

b) Có kết quả tự đánh giá hằng năm của 03 năm học liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị công nhận; đã được hội đồng thẩm định xem xét, xác nhận đạt từ Mức 2 trở lên về mức độ đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định của Thông tư này.

c) Đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành, cấp độ công nhận trường đạt chuẩn quốc gia không vượt quá mức độ đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở vật chất.

2. Mức độ công nhận

a) Mức độ 1: cơ sở giáo dục đạt Mức 2 trở lên;

b) Mức độ 2: cơ sở giáo dục đạt từ Mức 3 trở lên.

Mức độ công nhận được xác định theo mức đánh giá chung của cơ sở giáo dục theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

Điều 19. Báo cáo kết quả tự đánh giá và hồ sơ phục vụ xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

1. Hình thức cung cấp hồ sơ:

a) Đối với cơ sở giáo dục thuộc quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã: cơ sở giáo dục gửi báo cáo kết quả tự đánh giá và tài liệu minh chứng về bảo đảm chất lượng giáo dục thông qua môi trường điện tử về Ủy ban nhân dân cấp xã để rà soát, xác nhận kết quả tự đánh giá; Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo kết quả tự đánh giá và tài liệu minh chứng về bảo đảm chất lượng giáo dục thông qua môi trường điện tử theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Đối với cơ sở giáo dục không thuộc quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã: cơ sở giáo dục gửi báo cáo kết quả tự đánh giá và tài liệu minh chứng về bảo đảm chất lượng giáo dục thông qua môi trường điện tử theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia;

b) Báo cáo tự đánh giá của 03 năm học liên tiếp gần nhất, kèm theo tài liệu minh chứng;

c) Các dữ liệu quản lý chất lượng giáo dục có liên quan theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở giáo dục bổ sung hoặc sử dụng dữ liệu quản lý của ngành để phục vụ việc thẩm định.

3. Việc áp dụng quy định tại Điều này trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư này.

Điều 20. Thẩm định báo cáo tự đánh giá và công nhận đạt chuẩn quốc gia

1. Thành lập hội đồng thẩm định

a) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập hội đồng thẩm định theo từng cấp học để xem xét, thẩm định kết quả tự đánh giá và việc thực hiện các yêu cầu về bảo đảm chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục, làm căn cứ xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia;

b) Hội đồng thẩm định có số lượng thành viên là số lẻ, tối thiểu 09 người, gồm chủ tịch là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, phó chủ tịch và các ủy viên là lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đồng cấp với cơ sở giáo dục được thẩm định kết quả tự đánh giá; thư ký hội đồng là một thành viên của hội đồng. Hội đồng sử dụng con dấu của Sở Giáo dục và Đào tạo khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Thành viên hội đồng thẩm định được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

2. Nguyên tắc và phương thức làm việc của hội đồng thẩm định

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số;

b) Các thành viên được cung cấp hồ sơ trước cuộc họp ít nhất 10 ngày làm việc để nghiên cứu;

c) Thành viên hội đồng gửi nhận xét bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này trước cuộc họp; thư ký hội đồng tổng hợp và gửi lại cho các thành viên để nghiên cứu trước khi thảo luận;

d) Nếu có ý kiến đề nghị cơ sở giáo dục giải trình làm rõ nội dung trong báo cáo tự đánh giá, Sở Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản yêu cầu cơ sở giáo dục gửi văn bản về Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi tổ chức họp hội đồng;

đ) Hội đồng họp trực tiếp hoặc trực tuyến theo triệu tập của chủ tịch hội đồng; cuộc họp nếu không đủ từ hai phần ba trở lên số lượng thành viên hội đồng tham dự thì không tổ chức họp;

e) Căn cứ báo cáo tự đánh giá, tài liệu minh chứng và dữ liệu quản lý của ngành và của địa phương, báo cáo giải trình bổ sung của cơ sở giáo dục (nếu có), hội đồng xem xét mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí; trường hợp cần thiết, hội đồng kiến nghị điều chỉnh kết quả đánh giá và nêu rõ lý do trong biên bản thẩm định;

g) Kết quả thẩm định được thông qua khi có ít nhất hai phần ba số thành viên hội đồng nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu kín; biên bản họp hội đồng theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này được thông qua tại cuộc họp.

3. Tổ chức họp hội đồng thẩm định và ban hành thông báo kết luận

a) Trong thời hạn không quá 45 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ họp lệ, hội đồng tổ chức họp thẩm định; mỗi buổi họp thẩm định không quá 03 bộ hồ sơ;

b) Chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền chủ trì cuộc họp để thực hiện các công việc: thư ký hội đồng báo cáo tóm tắt tổng hợp nhận xét của các thành viên và nêu những nội dung cần trao đổi, thảo luận tại cuộc họp; hội đồng thảo luận về: kết quả tự đánh giá, việc điều chỉnh kết quả đánh giá tiêu chí, nội dung dự thảo thông báo kết quả thẩm định; hội đồng bỏ phiếu kín về việc thẩm định kết quả thẩm định. Trường hợp hội đồng họp trực tuyến, các thành viên của hội đồng thực hiện biểu quyết theo hình thức phù hợp, bảo đảm yêu cầu phiếu kín và được lưu trữ theo quy định;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ sở giáo dục gửi văn bản giải trình (nếu có) về Sở Giáo dục và Đào tạo để Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét trước khi ban hành thông báo kết luận thẩm định theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này, gửi cơ sở giáo dục và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo;

d) Trường hợp cần thiết, hội đồng thẩm định có thể họp phiên họp tiếp theo và khảo sát thực tế tại cơ sở giáo dục được thẩm định.

4. Quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

a) Sau thời gian công khai thông báo kết luận của hội đồng thẩm định, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu.

b) Trường hợp phát sinh khiếu nại, tố cáo, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc giải quyết theo quy định và có báo cáo kết quả xử lý gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo.

5. Thời hạn công nhận

a) Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này có giá trị 07 năm kể từ ngày ký quyết định công nhận và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Trước khi hết thời hạn công nhận 05 tháng, cơ sở giáo dục thực hiện tự đánh giá và gửi báo cáo đề phục vụ việc xem xét công nhận theo chu kỳ tiếp theo.

Điều 21. Thu hồi quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

1. Quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia bị thu hồi khi cơ sở giáo dục vi phạm pháp luật không còn duy trì mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Thông tư này, được xác định thông qua kết quả tự đánh giá hằng năm, hoạt động giám sát, kiểm tra hoặc kết quả thẩm định của cơ quan quản lý giáo dục.

2. Trước khi quyết định thu hồi, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản và yêu cầu cơ sở giáo dục xây dựng, thực hiện kế hoạch khắc phục trong thời hạn phù hợp.

3. Căn cứ kết quả rà soát, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thu hồi Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và công bố công khai theo quy định.

Điều 22. Lưu trữ và quản lý dữ liệu bảo đảm chất lượng giáo dục

1. Tại cơ sở giáo dục

Tài liệu và dữ liệu về hoạt động tự đánh giá được lưu trữ trên môi trường điện tử nhằm phục vụ theo dõi, cải tiến và bảo đảm chất lượng giáo dục, với thời hạn lưu trữ tối thiểu bằng 01 chu kỳ công nhận, gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- b) Kế hoạch tự đánh giá;
- c) Báo cáo tự đánh giá hằng năm;
- d) Các minh chứng kèm theo báo cáo tự đánh giá.

2. Tại Sở Giáo dục và Đào tạo

Tài liệu và dữ liệu về thẩm định và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được lưu trữ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý nhà nước về bảo đảm chất lượng giáo dục, với thời hạn lưu trữ tối thiểu bằng 01 chu kỳ công nhận, gồm:

- a) Quyết định thành lập hội đồng thẩm định;
- b) Biên bản thẩm định;
- c) Thông báo kết quả thẩm định;
- d) Quyết định và Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 23. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Cơ sở giáo dục xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn nhằm định hướng nâng cao chất lượng giáo dục và từng bước đạt các mức đánh giá theo quy định.

2. Hằng năm học, cơ sở giáo dục tổ chức tự đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá về bảo đảm chất lượng giáo dục; xây dựng, tổ chức thực hiện và theo dõi kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Thực hiện báo cáo kết quả tự đánh giá và kết quả cải tiến chất lượng với cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp theo quy định để phục vụ công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và quản lý dữ liệu ngành.

4. Chuẩn bị, quản lý và lưu trữ đầy đủ hồ sơ, dữ liệu và minh chứng liên quan đến hoạt động của cơ sở giáo dục dưới hình thức văn bản điện tử; bảo đảm tính đầy đủ, khả năng truy xuất và phục vụ hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục, thẩm định theo quy định.

5. Khi đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư này, trường mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện việc đề nghị thẩm định, công nhận đạt chuẩn quốc gia; tổ chức duy trì và phát huy kết quả sau khi được công nhận.

6. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ và chính xác của hồ sơ, dữ liệu, minh chứng và kết quả tự đánh giá; thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật và trước cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ban hành và chỉ đạo thực hiện kế hoạch về bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm nguồn lực, các điều kiện cần thiết để các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý từng bước đạt các mức đánh giá về bảo đảm chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn quản lý.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia.

2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về bảo đảm chất lượng và xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia.

3. Xây dựng sổ tay hướng dẫn thực hiện về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó dẫn chiếu nội dung được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để cụ thể yêu cầu nội dung quy định trong các mức đánh giá ở tiêu chí (nếu có) và có minh chứng gợi ý phù hợp theo các mức để thống nhất thực hiện.

4. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho các cơ sở giáo dục và cá nhân có liên quan.

5. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số về bảo đảm chất lượng và xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia của địa phương.

6. Hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Thông tư này; đồng thời khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả thực hiện Thông tư này với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Cục Quản lý chất lượng

a) Chủ trì tham mưu cho Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện Thông tư này trong phạm vi toàn quốc;

b) Tổ chức thực hiện việc tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của các Sở Giáo dục và Đào tạo;

c) Theo dõi, tổng hợp và phân tích dữ liệu về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trên phạm vi toàn quốc nhằm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách;

d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này theo phân cấp và thẩm quyền; đề xuất Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia;

đ) Định kỳ hoặc khi cần thiết, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Thông tư này và khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Cục Quản lý chất lượng để tham mưu cho Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP, ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá và đã đăng ký đánh giá ngoài để công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được thực hiện các bước tiếp theo để đánh giá ngoài, cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Trong thời hạn đến 02 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, để bảo đảm việc xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia không bị gián đoạn trong giai đoạn chuyển tiếp, Sở Giáo dục và Đào tạo được căn cứ vào báo cáo tự đánh giá năm học gần nhất của cơ sở giáo dục đã hoàn thành và các thông tin, dữ liệu về bảo đảm chất lượng giáo dục hiện có của cơ sở giáo dục để tổ chức thẩm định, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mà không yêu cầu đủ báo cáo tự đánh giá của 03 năm học liên tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư này.

3. Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục có giá trị đến hết thời hạn ghi trên Bằng công nhận.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng QGGD và PTNNL;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Như Điều 28;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL, Vụ GDMN, Vụ GDPT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Phạm Ngọc Thưởng

